

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17/4/2025

V/v “Xin ly hôn và con chung”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hồ Xuân Giao
- Bà Nguyễn Thị Bạ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi là Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Diễm Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 708/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc “Kiện xin ly hôn và con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXX-ST ngày 13/3/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 46/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02/4/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Số D N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

- Bị đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số D N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:**

Tôi và ông Trần Văn D tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 20/3/2006.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu thì có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có xảy ra cãi vã. Vợ chồng chung sống với nhau một nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Nay cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi xin được ly hôn với ông Trần Văn D.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là:

1. Cháu Trần Thị Thủy T, sinh ngày 29/10/2006
2. Cháu Trần Như Bảo N, sinh ngày 15/11/2008

Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trần Như Bảo N cho đến tuổi trưởng thành.

Cháu Trần Thị Thủy T đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Trần Văn D trình bày:**

Tôi và vợ tôi là bà Nguyễn Thị Kim H tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau năm 2006 tại xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk và được UBND xã E cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 20/3/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chúng tôi sống với nhau rất hòa thuận, hạnh phúc và đã có hai đứa con chung là:

- + Trần Thị Thủy T – Sinh ngày 29/10/2006
- + Trần Như Bảo N – Sinh ngày 15/11/2008

Từ giữa năm 2024 vợ chồng chúng tôi có phát sinh mâu thuẫn, hiểu nhầm, bất hòa nhỏ trong cuộc sống (*Về cách sống, lối sống*) cũng như việc giáo dục, dạy con cái. Tuy nhiên, những mâu thuẫn, bất hòa nhỏ đó của vợ chồng tôi chưa đến mức làm cho mục đích hôn nhân không đạt được mà dẫn đến buộc phải vợ chồng ly hôn.

Tôi cho rằng việc vợ tôi là bà Nguyễn Thị Kim H yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và con chung của vợ chồng tôi là không cần thiết. Vì hiện nay tôi vẫn còn yêu thương vợ con và không muốn gia đình ly tan, làm tổn thương và ảnh hưởng đến việc học hành, cuộc sống sau này của các con chung tôi.

Tôi mong rằng vợ tôi là bà Nguyễn Thị Kim H suy nghĩ lại, bỏ qua tất cả những xích mích nhỏ nhất trong cuộc sống trước đây của vợ chồng; rút đơn ly hôn để gia đình đoàn tụ, cùng nhau chăm lo cho các con ăn học, đừng để con cái bị thiệt thòi, tổn thương và ảnh hưởng đến cuộc sống sau này của các con.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân TP Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS, tại phiên tòa HĐXX và các đương đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 227 BLTTDS; Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 nghị quyết của UBTVQH số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim H. Bà Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với ông Trần Văn D.

Về con chung: Giao cháu Trần Như Bảo N, sinh ngày 15/11/2008 cho bà Nguyễn Thị Kim H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Cháu Trần Thị Thủy T, sinh ngày 29/10/2006 đã đến tuổi trưởng thành nên cháu ở với ai là quyền của cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí LHST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “Kiện tranh chấp hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP Buôn Ma Thuột theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 20/3/2006, bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trần Văn D có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ kiện bà Nguyễn Thị Kim H xác định quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng thường xuyên cãi nhau vì bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Nay cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân. Do đó bà Nguyễn Thị Kim H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Văn D.

Qua kết quả xác minh tại địa phương cho biết vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trần Văn D có xảy ra mâu thuẫn, nay bà Nguyễn Thị Kim H xin được ly hôn với ông Trần Văn D, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình cảm vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trần Văn D không còn nữa, không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau đã sống ly thân, nguyện vọng của bà Nguyễn Thị Kim H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Văn D là phù hợp theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trần Văn D có hai con chung là Cháu Trần Thị Thủy T, sinh ngày 29/10/2006 đã đến tuổi trưởng thành nên cháu ở với ai là quyền của cháu. Cháu Trần Như Bảo N, sinh ngày 15/11/2008 có nguyện vọng được ở với bố mẹ và bà Nguyễn Thị Kim H có nguyện vọng được nuôi cháu Trần Như Bảo N, do đó cần chấp nhận giao cho bà Nguyễn Thị Kim H được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trần Như Bảo N đến tuổi trưởng thành là phù hợp. Ông Trần Văn D được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 nghị quyết của UBTVQH số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim H. Bà Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với ông Trần Văn D.

Về con chung: Giao cháu Trần Như Bảo N, sinh ngày 15/11/2008 cho bà Nguyễn Thị Kim H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Cháu Trần Thị Thủy T, sinh ngày 29/10/2006 đã đến tuổi trưởng thành nên cháu ở với ai là quyền của cháu. Ông Trần Văn D được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí LHST, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0013760 ngày 14/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
 - VKSND TP.BMT;
 - CCTHADS TP.BMT;
 - UBND xã EaĐar, huyện Ea Kar,
- tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Viết Kiên